

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671001 - Toán ứng dụng 1

STC : 4(60,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Thái Ngọc	Quý	3771020142	26/03/1995	4,50	,00	1,40	
2	Đặng Hữu	Hà	3771040030	02/09/1995	4,00	3,00	3,30	
3	Huỳnh Văn	Hội	3771040040	12/03/1995	6,50	2,00	3,40	
4	Đặng Phúc Nhật	Đặng	3771040074	03/07/1995	,00	,50	,40	
5	Đoàn Nhất	Vũ	3771040077	20/03/1995	,00	,00	,00	CT
6	Huỳnh Tấn	Phát	3771040096	05/10/1991	3,50	1,00	1,80	
7	Đỗ Hữu	Phúc	3771040107	14/11/1995	4,50	1,50	2,40	
8	Từ Trương Hồng	Ngọc	3771040133	05/04/1994	4,00	2,50	3,00	
9	Nguyễn Minh	Ngân	3771040152	10/11/1995	5,50	2,00	3,10	
10	Phạm Vi	Sinh	3771040255	01/10/1995	4,50	3,50	3,80	
11	Trần Lê Anh	Tài	3771040381	25/04/1995	,00	,00	,00	CT
12	Trịnh Vũ Trường	Giang	3771040409	04/11/1995	2,50	2,00	2,20	
13	Đặng Lê Quốc	Huy	3771040422	30/11/1994	6,00	4,00	4,60	
14	Vũ Trọng	Thành	3771040448	28/03/1995	5,00			CT
15	Võ Minh	Quân	3771040468	25/09/1995	3,50	4,50	4,20	
16	Nguyễn Thanh	Tùng	3771040475	27/12/1995	5,50	,50	2,00	
17	Hồ Xuân	Minh	3771040486	21/07/1995	5,50	3,50	4,10	
18	Nguyễn Thành	Tài	3771040508	16/08/1994	,00	,00	,00	CT
19	Nguyễn Như	Đông	3771040516	22/07/1995	5,00	4,50	4,70	
20	Lê Quang	Huy	3771040699	12/10/1994	4,50	3,00	3,50	
21	Huỳnh Văn Phong	Nhã	3771040729	25/07/1995	4,00	2,50	3,00	
22	Nguyễn Minh	Triệu	3771040731	24/04/1995	4,50	5,80	5,40	
23	Nguyễn	Khoa	3771040794	24/05/1995	4,00	2,50	3,00	
24	Đình Hoàng	Phúc	3771040805	10/01/1995	4,50			
25	Hoàng Anh	Năm	3771040817	27/05/1995	5,50	1,00	2,40	
26	Ngô Duy	Phước	3771040841	30/05/1995	4,00	,50	1,60	
27	Đình Quốc	Tuấn	3771040881	12/08/1995	3,00	5,00	4,40	
28	Phạm Thanh	Hưng	3771040887	26/03/1994	4,50	2,50	3,10	
29	Trần Phi	Long	3771040915	21/10/1990	4,00	1,00	1,90	
30	Lê Hoài	Sang	3771040931	30/08/1995	3,00	,50	1,30	
31	Nguyễn Trọng	Hiếu	3771040953	18/09/1995	4,50	1,50	2,40	
32	Phan Thanh	Phong	3771040954	19/06/1995	3,00	2,50	2,70	
33	Hà Đông	Anh	3771040985	09/05/1995	,00	,00	,00	CT
34	Võ Văn Đăng	Phương	3771040986	06/01/1993	,00	,00	,00	CT
35	Hồ	Hoàng	3771041041	29/03/1995	,00	,00	,00	CT

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Dương Gia	Bảo	3771041050	13/04/1995	,00	,00	,00	CT
37	Dương Tấn	Thành	3771041051	18/03/1995	4,50			CT
38	Nguyễn Vũ Đoan	Chiều	3771041068	01/01/1994	,00	,00	,00	CT
39	Đỗ Gia	Bảo	3771041090	14/02/1995	3,50	1,00	1,80	
40	Phan Phúc	Hiền	3771041136	12/01/1995	,00	,00	,00	CT
41	Lê Thanh	Đôn	3771041226	16/03/1995	2,00			
42	Doãn Minh	Hải	3771041238	06/06/1994	5,50	3,50	4,10	
43	Trang Nguyễn Sĩ	Thái	3771041241	16/01/1995	4,50	5,50	5,20	
44	Võ Long	Khánh	3771041298	15/02/1995	3,50	1,50	2,10	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)